

Nghiên cứu đặc điểm nguồn gốc hình thành thuật ngữ ngôn ngữ học tiếng Hàn và tiếng Việt (Trọng tâm là thuật ngữ Ngôn ngữ học phân ngành Cú pháp học)

Nguyễn Thị Thúy Nga

ThS. Trường Đại học Hải Phòng

Received: 4/ 3/2024; Accepted: 8/3/2024; Published: 13/3/2024

Abstract: In this article, I collected the linguistics term of syntax in Korean and Vietnamese with about 200 terms from “Từ điển đối chiếu thuật ngữ ngôn ngữ học Việt – Anh – Hàn, Hàn – Việt – Anh, Anh – Hàn – Việt” by Nguyen Thien Giap and Hoang Thi Yen. Then, I examined some aspects about origin of these linguistics terms in two language in this field so that learners can be aware of the same and differences in case of these terms between two languages. Even the samples were so little that this article could not make a specific conclusion about linguistics terms between two languages but the results are hoped to contribute a deal to teaching, learning Korean and this would be a starting point to a deep research with more aspects.

Keywords: Linguistics term of syntax, origin

1. Đặt vấn đề

Các nhà ngôn ngữ học (NNH) đều nhất trí cho rằng, thuật ngữ là bộ phận từ ngữ đặc biệt của ngôn ngữ (NN), dùng để biểu thị một khái niệm xác định thuộc hệ thống những khái niệm của một ngành khoa học nhất định. Trong những năm gần đây, các nhà NNH Việt đã dành nhiều thời gian và tâm sức nghiên cứu và xây dựng ngành Thuật ngữ học tiếng Việt, thực hiện đối chiếu thuật ngữ NNH tiếng Việt với NN khác và đã cho ra đời nhiều công trình có giá trị. Tuy nhiên, đối với ngành NN tiếng Hàn Quốc vẫn đang ở giai đoạn mới so với các NN khác nên hiện tại ở Việt Nam chưa có nhiều tài liệu, từ điển đối chiếu thuật ngữ NNH giữa tiếng Hàn và tiếng Việt. Hiện tại, số lượng người Việt Nam học tiếng Hàn ngày càng tăng lên. Người học tiếng Hàn cũng có nhiều mối quan tâm và tìm hiểu thuật ngữ NNH tiếng Hàn. Trong khuôn khổ bài báo, tác giả chọn đề tài này nghiên cứu, đối chiếu để mang đến cho người học tiếng Hàn tại Việt Nam một kiến thức khái quát về thuật ngữ NNH Hàn - Việt phân ngành cú pháp học gồm các phạm trù ngữ pháp để từ đó hiểu rõ hơn về mảng thuật ngữ này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả lấy dữ liệu nghiên cứu đối chiếu là 200 thuật ngữ NNH học Hàn – Việt phân ngành cú pháp học gồm các phạm trù ngữ pháp lọc ra từ cuốn Từ điển đối chiếu thuật ngữ NNH Việt - Anh – Hàn, Hàn

– Việt – Anh, Anh – Hàn – Việt của tác giả Nguyễn Thiện Giáp và Hoàng Thị Yến (2018) và phần 제 4장 통사론 của cuốn 한국어 문법 총론 1 của tác giả 구본관 và cộng sự (2018). Mặc dù, với 1 đơn vị thuật ngữ tiếng Hàn có nhiều các đơn vị tương ứng thuật ngữ tiếng Việt nhưng sau khi tham khảo các từ điển khác và dựa theo các kiến thức đã biết, tôi đã chọn một đơn vị thuật ngữ tiếng Việt phù hợp nhất cho một đơn vị thuật ngữ tiếng Hàn. Do đó, trong danh mục đối chiếu thuật ngữ ở nghiên cứu này, mỗi thuật ngữ tiếng Hàn chỉ có một thuật ngữ tiếng Việt tương ứng. Trong bài nghiên cứu này, tôi phân tích đặc điểm nguồn gốc hình thành thuật ngữ trong danh mục. Từ đó, đưa ra các kết luận về đặc điểm thuật ngữ NNH tiếng Hàn - Việt phân ngành cú pháp học. Để hoàn thành bài nghiên cứu này, tôi đã thực hiện các PP nghiên cứu:

Thứ nhất, xây dựng danh mục đối chiếu thuật ngữ NNH tiếng Hàn – Việt phân ngành cú pháp học bằng cách chọn lọc các thuật ngữ thuộc phạm vi của phân ngành này trong cuốn Từ điển đối chiếu thuật ngữ NNH Việt - Anh – Hàn, Hàn – Việt – Anh, Anh – Hàn – Việt của tác giả Nguyễn Thiện Giáp và Hoàng Thị Yến (2018) và phần 제4장 통사론 của cuốn 한국어 문법 총론 1 của tác giả 구본관 và cộng sự (2018).

Thứ hai, chọn lọc, thống kê, khảo sát và phân tích, đối chiếu các đơn vị thuật ngữ phân ngành cú pháp học tiếng Hàn - Việt theo nguồn gốc hình thành.

2.2. Kết quả nghiên cứu

Kết quả khảo sát

Kết quả khảo sát cho thấy: Các đơn vị thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Hàn phân bố ở các mục vần theo thứ tự bảng chữ cái Hangul như sau:

ㄱ	ㄴ	ㄷ	ㄹ	ㅁ	ㅂ	ㅅ	ㅇ	ㅈ	ㅊ	ㅋ	ㅌ	ㅍ	ㅎ		
32	7	3	0	40	14	30	10	26	1	3	13	8	0	13	200
16	3,5	1,5	0	20	7	15	5	13	0,5	1,5	6,5	4	0	6,5	100%

Có thể thấy mục vần ㅁ là mục vần có số lượng các đơn vị thuật ngữ lớn nhất với 40 đơn vị chiếm 20%, tiếp đó là mục vần ㄱ với 32 đơn vị chiếm 16% và mục vần ㅅ với 30 đơn vị chiếm 15%. Ngoài ra, mục vần ㄷ và ㅋ không có đơn vị thuật ngữ nào và mục vần ㅈ chỉ có duy nhất 1 đơn vị thuật ngữ.

Các đơn vị thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học phân ngành cú pháp học tiếng Việt phân bố ở các mục từ theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt như sau:

TT	Mục từ	Số lượng	%	TT	Mục từ	Số lượng	%
1	A-Â	0	0	12	Ô-O	0	0
2	B	10	5	13	P	11	5,5
3	C	60	30	14	Q	3	1,5
4	D	4	2	15	R	0	0
5	Đ	8	4	16	S	2	1
6	E-G	4	2	17	T	39	19,5
7	H	5	2,5	18	U	0	0
8	I-K	11	5,5	19	V	2	1
9	L	3	1,5	20	X	0	0
10	M	5	2,5	21	Y	2	1
11	N	31	15,5	22			

Có thể thấy mục từ C là mục từ có số lượng đơn vị thuật ngữ lớn nhất với 60 đơn vị chiếm 30%, tiếp đó là mục từ T với 39 đơn vị chiếm 19,5% và mục từ N với 31 đơn vị chiếm 15,5%. Ngoài ra, mục từ A-Â, Ô- O, R, X là mục từ không có đơn vị thuật ngữ nào và mục từ S, V, Y chỉ có 2 đơn vị thuật ngữ mỗi loại.

Qua đây, ta thấy rằng, số lượng thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Hàn - Việt không đồng đều giữa các mục vần tiếng Hàn và mục từ tiếng Việt. Có những mục vần hoặc mục từ có số lượng lớn và ngược lại, cũng có những mục vần và mục từ không có đơn vị thuật ngữ nào hoặc nếu có thì số lượng cũng rất ít. Điều này cho thấy, thuật ngữ NNH tiếng Hàn - Việt phân ngành cú pháp học có nguồn gốc hình thành khá phức tạp. Việc xác định nguồn gốc của thuật ngữ NNH tiếng Hàn không quá khó do có thể tham khảo từ điển tiếng Hàn Naver nhưng ngược lại, việc xác định nguồn gốc của thuật ngữ NNH tiếng Việt rất khó vì người viết gặp khó khăn trong

việc phân định với từ Hán được ghi bằng âm Hán và từ Hán đã được viết hóa.

2.2.2. Đặc điểm nguồn gốc hình thành của thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Hàn

Trong 200 thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Hàn, không có đơn vị nào có nguồn gốc thuần Hàn hoặc thuần ngoại lai, chỉ có thuật ngữ có nguồn gốc Hán chiếm tỉ lệ lớn 176/200 đơn vị. Còn lại là nhóm thuật ngữ có nguồn gốc hỗn hợp chiếm tỉ lệ nhỏ 24/200 đơn vị.

Nhóm thuật ngữ có nguồn gốc Hán chiếm tỉ lệ lớn 176/200 đơn vị chiếm 88%. Trong số đó, ba mục vần ㄷ, ㅋ, ㅈ không có đơn vị nào, mục vần ㄱ, ㅁ là 2 mục vần có số lượng đơn vị nhiều nhất và bằng nhau là 31 đơn vị mỗi loại chiếm 17,6% mỗi loại, tiếp đó là mục vần ㅅ với 24 đơn vị chiếm 13,6%. Nhóm các mục vần ㅂ, ㅌ có tần số xuất hiện khá thấp và bằng nhau là 3 đơn vị mỗi loại chiếm 1,7% mỗi loại.

ㄱ	ㄴ	ㄷ	ㄹ	ㅁ	ㅂ	ㅅ	ㅇ	ㅈ	ㅊ	ㅋ	ㅌ	ㅍ	ㅎ		
31	6	3	0	31	13	22	10	24	0	3	13	8	0	12	176
17,6	3,5	1,7	0	17,6	7,4	12,5	5,7	13,6	0	1,7	7,4	4,5	0	6,8	100%

Nhóm thuật ngữ có nguồn gốc hỗn hợp chiếm tỉ lệ nhỏ với 24 đơn vị chiếm 12%. Trong đó dù kết hợp theo trật tự khác nhau nhưng chủ yếu là nhóm thuật ngữ có nguồn gốc kết hợp Hàn và Hán với 19 đơn vị chiếm 79,2%. Còn lại là nhóm thuật ngữ có nguồn gốc kết hợp Hán và ngoại lai hoặc ngoại lai và Hán với 5 đơn vị chiếm 20,8%. Trước tiên là nhóm thuật ngữ có nguồn gốc kết hợp Hàn và Hán được trình bày ở bảng sau:

ㄱ	ㄴ	ㄷ	ㄹ	ㅁ	ㅂ	ㅅ	ㅇ	ㅈ	ㅊ	ㅋ	ㅌ	ㅍ	ㅎ	
1	1	0	0	5	1	7	0	2	1	0	0	0	1	19
5,3	5,3	0	0	26,3	5,3	36,7	0	10,5	5,3	0	0	0	5,3	100%

Quan sát bảng trên, có thể thấy số lượng của nhóm tương đối ít. Ở mục vần ㅂ, ㄷ, ㅈ, ㅌ, ㅍ không xuất hiện đơn vị nào. Mục vần ㅅ là mục vần có số lượng nhiều nhất với 7 đơn vị mỗi mục vần chiếm 36,7%, tiếp đó là mục vần ㅁ với 5 đơn vị chiếm 26,3%. Ngoài ra, mục vần ㄱ, ㄴ, ㅅ, ㅈ, ㅋ có số lượng đơn vị bằng nhau là 1 đơn vị mỗi mục vần chiếm 5,3% mỗi loại. Nhóm xuất hiện có các dạng thức kết hợp như sau:

+ Danh từ (Hán) + 의 (Hàn) + danh từ (Hán): 문법소의 변이, 문장의 주어제약, 선택의문문...

+ Động/tính từ định ngữ (Hàn- ㅁ) + danh từ Hán: 높임표현...

+ Động / tính từ định ngữ (Hàn) + Danh từ (Hán): 짧은 부정문, 긴 부정문...

+ Hán + Hàn (động từ/tính từ được danh từ hóa)
+ Hán: 상대높임법, 주체높임법...

Thứ hai là nhóm thuật ngữ có nguồn gốc kết hợp Hán và ngoại lai, Hàn và ngoại lai với 5 đơn vị thuật ngữ, trong đó 4 đơn vị là của mục văn ㅁ chiếm 80% còn 1 đơn vị là mục văn ㅂ chiếm 20%. Nhóm xuất hiện theo các dạng thức kết hợp như sau:

+ Ngoại lai + Hàn + Hán: 메아리의문문.

+ Danh từ (Hán) + 의 (Hàn) + danh từ (ngoại lai): 문장의로드, 문장의스트레스.

+ Hán + ngoại lai: 문장패턴

+ Ngoại lai + Hán: 스토리문법

2.1.2. Đặc điểm nguồn gốc hình thành của thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Việt

Kết quả khảo sát cho thấy, trong 200 đơn vị thuật ngữ NNH tiếng Việt phân ngành cú pháp học không có đơn vị từ ngoại lai, đại đa số thuật ngữ NNH có nguồn gốc thuần Việt hoặc gốc Hán (đã Việt hóa), bao gồm cả các đơn vị thuật ngữ được mượn từ tiếng Hàn. Tuy nhiên, như đã nói bên trên, người viết gặp khó khăn trong việc phân định từ Hán đã được Việt hóa và từ Hán được ghi âm bằng âm Hán, do đó chỉ tạm thời tách thành các nhóm có nguồn gốc như trình bày bên dưới chứ không thực hiện thao tác thống kê tần số xuất hiện như với trường hợp thuật ngữ tiếng Hàn bên trên.

+ Nhóm thuật ngữ có nguồn gốc thuần Hán: cú pháp, cú vị, cú pháp vị, thức mệnh lệnh...

+ Nhóm thuật ngữ có nguồn gốc thuần Việt: câu, câu đặc biệt, câu danh từ, giống...

+ Nhóm các đơn vị thuật ngữ có cấu tạo kết hợp yếu tố Việt + Hán: câu cảm thán, kết cấu nội tâm, kết cấu ngoại tâm...

+ Nhóm các đơn vị thuật ngữ có cấu tạo kết hợp yếu tố Hán + Việt: thì quá khứ, thì hiện tại, thì tương lai, thức của câu, tiền giả định...

+ Nhóm các đơn vị thuật ngữ có cấu tạo kết hợp yếu tố Việt + Hán + Việt: phân tích thành tố trực tiếp, tình thái cấu trúc vị ngữ...

+ Nhóm các đơn vị thuật ngữ có yếu tố ngoại lai: logic vị ngữ, chủ ngữ logic.

Qua khảo sát và phân tích đặc điểm nguồn gốc hình thành của thuật ngữ NNH tiếng Hàn - Việt phân ngành cú pháp học cho thấy một vài nhận xét như sau. Thứ nhất, thuật ngữ tiếng Hàn và tiếng Việt về phân ngành này đều chịu ảnh hưởng của tiếng Hán, tỉ lệ này khá nhiều ở cả hai ngôn ngữ. Điều đó chứng tỏ cả tiếng Hàn và tiếng Việt đều chịu ảnh hưởng của chữ Hán và văn hóa Hán. Cả tiếng Hàn và tiếng

Việt đều có nguồn gốc là kết hợp với các từ ngoại lai nhưng tỉ lệ ngoại lai chiếm rất ít. Điều đó cũng chứng tỏ rằng cả hai NN đều có sự hòa nhập với thế giới bên ngoài. Nguồn gốc đa dạng như vậy, cho thấy hai NN Hàn và Việt vừa có “tính thống nhất” và “tính quốc tế”.

Thứ hai, trong khi thuật ngữ NNH phân ngành cú pháp học tiếng Hàn không có thuật ngữ thuần Hàn thì không có đơn vị nào nhưng thuật ngữ NNH tiếng Việt thì có xuất hiện số lượng nhỏ các thuật ngữ thuần Việt. Điều này chứng tỏ thuật ngữ tiếng Việt dù có ảnh hưởng nhiều bởi chữ Hán nhưng đơn vị thuật ngữ thuần Việt vẫn có một vai trò quan trọng. Chính lí do này đã gây khó khăn cho người học trong việc phân biệt thuật ngữ tiếng Việt với từ toàn dân. Điều này không xảy ra với thuật ngữ NNH tiếng Hàn.

Cuối cùng, trong khi thuật ngữ NNH tiếng Hàn phân ngành cú pháp học dễ dàng phân biệt được từ có nguồn gốc Hán nhưng NNH tiếng Việt lại rất khó khi xác định nguồn gốc hình thành do khó phân định từ Hán được ghi bằng âm Hán với từ Hán đã được Việt hóa.

3. Kết luận

Thuật ngữ ngôn NNH tiếng Hàn - Việt phân ngành cú pháp học có nguồn gốc đa dạng và cấu tạo khá phức tạp về nguồn gốc. Trong thuật ngữ NNH tiếng Hàn thì số lượng từ thuần gốc Hán có tỷ lệ cao với 88%, tiếng Việt thì đa số là các thuật ngữ có nguồn gốc thuần Việt hoặc gốc Hán. Điều này cho thấy rằng, tiếng Hàn và tiếng Việt đều chịu ảnh hưởng chung của tiếng Hán. Do đó, khi tìm hiểu các thuật ngữ như này, người học sẽ có thể dễ dàng đoán được nghĩa của thuật ngữ. Đây là một điều thuận lợi cho người Việt học tiếng Hàn nói chung, thuật ngữ NNH nói riêng. Tuy nhiên, dù cùng chịu ảnh hưởng bởi tiếng Hán nhưng thuật ngữ NNH tiếng Hàn phân ngành cú pháp học chịu sự ảnh hưởng lớn hơn so thuật ngữ NNH tiếng Việt phân ngành cú pháp học. Điều này cho thấy rằng, thuật ngữ NNH tiếng Việt dễ hiểu và gần gũi với người học hơn so với tiếng Hàn.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thiện Giáp (Chủ biên), Hoàng Thị Yến (2018), *Từ điển đối chiếu thuật ngữ ngôn ngữ học Việt - Anh - Hàn, Hàn - Việt - Anh, Anh - Hàn - Việt*, NXB KHXH. Hà Nội
2. Cao Xuân Hạo, Hoàng Dũng (2004), *Thuật ngữ ngôn ngữ học Anh - Việt, Việt - Anh*, Đề tài khoa học cấp Bộ. Hà Nội
3. 구본관 và cộng sự (2018), *한국어 문법 총론* 1, 집문당 출판사